

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ – ST.

Ngày: 21/6/2022

V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tiến

Bà Nguyễn Thị Minh Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2022/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2022/QĐXX-ST ngày 02 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D - SN 1995 “Vắng mặt”

Địa chỉ: SN 11/24 T, phường S, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. (Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng N - SN 1988 “ Vắng mặt”

Địa chỉ : SN 21 đường N Nữ, phường Đ, Thành phố T ,tỉnh Thanh Hóa.

NỘI D VU ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hồng N kết hôn với nhau năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường S, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Do mâu thuẫn căng thẳng nên

anh chị đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2021 cho đến nay. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con: Anh chị có 02 con chung: Cháu Nguyễn Thế B, sinh ngày 11/9/2014 và cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 08/2/2020 . Ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi cháu B Anh và giao cháu Thế B cho anh N nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Hồng N theo quy định của pháp luật nhưng anh N không đến Tòa án để tự khai, tham gia phiên họp và hòa giải cũng như phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành của nguyên đơn, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị D, anh N để tham gia phiên tòa nhưng chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Tòa án tiến hành xử vắng mặt chị D, anh N là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Đây là vụ án ly hôn, bị đơn cư trú tại Thành phố T. Do vậy Tòa án Thành phố T thụ lý, giải quyết là đúng quy định theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặc dù đã được tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng anh N vắng mặt không có lý do, chị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS giải quyết vắng mặt chị D, anh N là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Hồng N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị D khai vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau. Kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện: quá trình anh chị chung sống đã có mâu thuẫn. Hiện nay chị D đã chuyển ra ngoài sống, anh N vẫn sống tại địa phương

Mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N lên Tòa án giải quyết nhưng anh N đều vắng mặt. Điều đó cho thấy anh không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị D tha thiết xin ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị cũng đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, nếu có về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng khó có thể cải thiện được. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị D được ly hôn với anh N là phù hợp.

[3] Về con: Anh chị có 2 con chung là cháu Nguyễn Thế B, sinh ngày 11/9/2014 và cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 08/2/2020. Chị D đề nghị giao cháu Thế B cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Bảo A cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của chị: Chị D và anh N đều có công việc và thu nhập ổn định. Cháu B Anh là con gái, lại đang còn nhỏ tính đến ngày xét xử cháu chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 “con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”. Do đó giao cháu Bảo A cho chị D chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Thế B cho anh N chăm sóc nuôi dưỡng là hoàn toàn là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình .

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án Chị D không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con . Xét yêu cầu của chị là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/QH14.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 BLTTDS. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Hồng N.

Về con: Công nhận cháu Nguyễn Thế B, sinh ngày 11/9/2014 và cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 08/2/2020 là con chung của chị D và anh N. Giao cháu Nguyễn Thế B cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Bảo A cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị D, anh N có quyền đi lại thăm nom con chung, không được ai cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị D phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001772 ngày 31/3/2021 tại chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T (chị D đã nộp đủ án phí).

Chị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA- TPTH;
- UBND phường S, TPTH;
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Long

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA- TPTH;
- UBND phường An Hưng, TPTH;
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Long

